

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH HÀ TĨNH**

Số: 98/2022/NQ-HĐND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Tĩnh, ngày 16 tháng 12 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

**Một số chính sách phát triển văn hóa, thể thao và du lịch
tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2023 - 2025**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH
KHÓA XVIII, KỲ HỌP THỨ 11**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Di sản văn hóa ngày 29 tháng 6 năm 2001, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa ngày 18 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Luật Thể dục, thể thao ngày 29 tháng 11 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao ngày 14 tháng 6 năm 2018;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Du lịch ngày 19 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Luật Quản lý sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước; số 168/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch; số 152/2018/NĐ-CP ngày 07 tháng 11 năm 2018 quy định một số chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao trong thời gian tập huấn, thi đấu; số 166/2018/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2018 quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch, dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh; số 36/2019/NĐ-CP ngày 20 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao;

Căn cứ Thông tư số 86/2020/TT-BTC ngày 26 tháng 10 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết chế độ đặc thù đối với huấn luyện viên thể thao thành tích cao, vận động viên thể thao thành tích cao;

Xét Tờ trình số 473/TTr-UBND ngày 30 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị ban hành Nghị quyết Quy định một số chính sách phát triển văn hóa, thể thao và du lịch Hà Tĩnh giai đoạn 2023-2025; Báo cáo

thẩm tra số 541/BC-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2022 của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại Kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Nghị quyết này Quy định một số chính sách phát triển văn hóa, thể thao và du lịch Hà Tĩnh giai đoạn 2023-2025 trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

2. Đối tượng áp dụng: Nghị quyết này áp dụng đối với các cơ quan, đơn vị, địa phương, doanh nghiệp, tổ chức và cá nhân có liên quan đến chính sách phát triển văn hóa, thể thao và du lịch trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

Điều 2. Nguyên tắc hỗ trợ

1. Một nội dung có nhiều chính sách hỗ trợ thì đối tượng thụ hưởng được lựa chọn một chính sách hỗ trợ có mức hỗ trợ cao nhất.

2. Những công trình đã cân đối đủ nguồn vốn từ các chương trình, dự án và nguồn xã hội hoá thì không được hưởng chính sách này.

3. Quản lý, sử dụng kinh phí hỗ trợ đúng mục đích, đối tượng, đảm bảo hiệu quả và đúng quy định quản lý tài chính, ngân sách của Nhà nước.

Điều 3. Kinh phí thực hiện

1. Ngân sách tỉnh.

2. Các nguồn kinh phí huy động nguồn lực thông qua lồng ghép từ các chương trình, dự án trên địa bàn.

3. Các nguồn kinh phí huy động từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.

4. Các nguồn tài chính hợp pháp khác theo quy định của Pháp luật.

Chương II CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN VĂN HÓA

Điều 4. Chính sách hỗ trợ đầu tư xây dựng các công trình văn hóa, thể thao cơ sở

1. Điều kiện hỗ trợ:

Các công trình sau khi hoàn thành, được nghiệm thu và bàn giao đưa vào sử dụng mới được hỗ trợ kinh phí.

2. Nội dung, đối tượng, mức hỗ trợ:

a) Đối với các xã, phường, thị trấn xây dựng mới trung tâm văn hóa, thể thao, điểm vui chơi giải trí cho người già và trẻ em:

- Hỗ trợ 15% kinh phí thực hiện, tối đa 400.000.000 đồng/hội trường văn hóa đa năng;

- Hỗ trợ 10% kinh phí thực hiện, tối đa 100.000.000 đồng/sân vận động;

- Hỗ trợ 15% kinh phí thực hiện, tối đa 70.000.000 đồng/điểm vui chơi giải trí cho người già và trẻ em (yêu cầu kinh phí thực hiện từ 400.000.000 đồng trở lên mới được hỗ trợ).

b) Đối với các xã, phường, thị trấn sửa chữa hội trường văn hóa đa năng do xuống cấp, không đảm bảo hoạt động, có tổng chi phí sửa chữa từ 1.000.000.000 đồng trở lên (có thẩm định của cấp có thẩm quyền):

- Hỗ trợ 15% kinh phí thực hiện, tối đa 200.000.000 đồng/hội trường văn hóa đa năng.

c) Đối với các thôn, tổ dân phố xây dựng mới nhà văn hóa, khu thể thao:

- Hỗ trợ 10% kinh phí thực hiện, tối đa 100.000.000 đồng/nhà văn hóa;

- Hỗ trợ 15% kinh phí thực hiện, tối đa 30.000.000 đồng/khu thể thao (yêu cầu kinh phí thực hiện từ 250.000.000 đồng trở lên mới được hỗ trợ).

3. Hồ sơ đề nghị hỗ trợ:

a) Tờ trình đề nghị hỗ trợ kinh phí thực hiện chính sách của Ủy ban nhân dân cấp xã (theo Mẫu số 01 Phụ lục kèm theo);

b) Văn bản đề nghị hỗ trợ kinh phí thực hiện chính sách của Ủy ban nhân dân cấp huyện;

c) Bản sao quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư (hoặc văn bản quy định tương đương) của cơ quan có thẩm quyền;

d) Bản sao quyết định phê duyệt dự án, Quyết định phê duyệt bản vẽ thi công và tổng dự toán, thông báo thẩm định dự toán của cơ quan có thẩm quyền;

đ) Văn bản xác nhận công nợ (đối với các công trình đã nghiệm thu và quyết toán nhưng còn nợ vốn);

e) Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành; Hồ sơ thanh quyết toán và hồ sơ khác có liên quan.

4. Quy trình thực hiện:

a) Trước ngày 30 tháng 4 hàng năm, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố, thị xã tổng hợp danh sách các đối tượng đủ điều kiện thụ hưởng chính sách (Mẫu số 02 Phụ lục kèm theo) và các hồ sơ theo quy định gửi Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

b) Trước 15 tháng 7 hàng năm, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức kiểm tra, thẩm định đối tượng,

điều kiện, thống nhất bằng biên bản với địa phương và tổng hợp dự kiến phân bổ kinh phí hỗ trợ gửi Sở Tài chính;

c) Sau khi nhận được đầy đủ các tài liệu, hồ sơ liên quan của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, Sở Tài chính có trách nhiệm soát xét và trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định;

Trường hợp hồ sơ không hợp lệ hoặc không đủ điều kiện hỗ trợ, trong vòng 07 (bảy) ngày làm việc, Sở Tài chính có văn bản thông báo gửi tới Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch nêu rõ lý do;

d) Sau khi có quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh, trong thời gian 07 (bảy) ngày làm việc, Sở Tài chính thực hiện việc cấp phát kinh phí theo quy định.

Điều 5. Chính sách hỗ trợ tu sửa, chống xuống cấp và bảo vệ di tích

1. Đối tượng và điều kiện hỗ trợ:

a) Các di tích đã được xếp hạng di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh, di tích lịch sử - văn hóa cấp quốc gia và di tích lịch sử - văn hóa cấp quốc gia đặc biệt;

b) Các di tích phải thực hiện đúng các quy định hiện hành của Nhà nước về bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích;

c) Trong trường hợp các di tích có cùng mức độ xuống cấp thì thứ tự ưu tiên lần lượt như sau: các di tích do cộng đồng quản lý gồm: Đền, chùa, đình, miếu, di tích lịch sử cách mạng, khảo cổ học; di tích nằm ở vùng sâu, vùng xa, ven biển thường xuyên chịu tác động của thiên tai, lũ lụt gây hư hỏng nghiêm trọng, di tích khó khăn trong việc huy động xã hội hóa; di tích nhà thờ họ, nhà thờ danh nhân;

d) Các di tích trong diện giải tỏa, tranh chấp, khiếu kiện không được hỗ trợ.

2. Nội dung, mức hỗ trợ:

a) Mức 1: Hỗ trợ từ 300.000.000 đồng đến tối đa 1.000.000.000 đồng đối với các di tích kiến trúc nghệ thuật, di tích bằng gỗ hoặc các vật liệu truyền thống như: vôi, vữa, mật mía... có chạm khắc hoa văn, chạm vẽ các chi tiết nghệ thuật, có giá trị về mặt nghiên cứu khoa học, có niên đại xây dựng trên 100 năm bị hư hỏng nghiêm trọng, không đảm bảo sử dụng, cần phải khẩn cấp tiến hành tu bổ, phục hồi nhằm tránh nguy cơ sụp đổ, phế tích;

b) Mức 2: Hỗ trợ từ 200.000.000 đồng đến tối đa 300.000.000 đồng đối với di tích có hệ thống cấu kiện (cột, vì kèo, tường bao, bức vách, mái ngói...) nằm trong nhiều hạng mục (Tam quan, thượng điện, trung điện, bái đường, hậu cung...) bị hư hỏng do mối mọt, thấm dột, vi sinh vật độc hại ăn mòn; nền sụt lún, tường nứt gãy... rất cần phải được thay thế, tu bổ kịp thời;

c) Mức 3: Hỗ trợ từ 100.000.000 đồng đến tối đa 200.000.000 đồng đối với di tích có một số cấu kiện (cột, vì kèo, tường bao, bức vách, mái ngói...) nằm trong một số hạng mục (Tam quan, thượng điện, trung điện, bái đường, hậu

cung...) bị hư hại, yêu cầu cần phải thay thế, tu bổ từng phần, tránh nguy cơ ảnh hưởng đến các phần (cấu kiện, hạng mục) khác;

d) Mức 4: Hỗ trợ tối đa 100.000.000 đồng đối với di tích có một số bộ phận cấu kiện đơn lẻ bị hư hỏng, cần phải được gia cố, gia cường, hoặc thay thế; di tích chỉ tu sửa hạng mục mộ, hàng rào;

đ) Hỗ trợ kinh phí bảo vệ đối với di tích lịch sử - văn hóa cấp quốc gia không có Ban Quản lý chuyên trách và không có nguồn thu: 300.000 đồng/di tích/tháng.

3. Hồ sơ đề nghị hỗ trợ:

a) Đối với các chính sách quy định tại điểm a, điểm b, điểm c, điểm d khoản 2 Điều này:

- Tờ trình đề nghị hỗ trợ kinh phí thực hiện chính sách (theo Mẫu số 03 Phụ lục kèm theo);

- Văn bản đề nghị hỗ trợ kinh phí thực hiện chính sách của Ủy ban nhân dân cấp huyện;

- Danh sách tổng hợp các di tích đủ điều kiện thụ hưởng chính sách;

- Các quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền theo quy định tại Nghị định số 166/2018/NĐ-CP ngày 25/12/2018 của Chính phủ quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch, dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hoá, danh lam thắng cảnh và các quy định hiện hành.

b) Đối với chính sách quy định tại điểm đ khoản 2 Điều này:

- Tờ trình đề nghị cấp kinh phí thực hiện chính sách (theo Mẫu số 04 Phụ lục kèm theo);

- Danh sách tổng hợp các di tích đủ điều kiện thụ hưởng chính sách;

- Dự toán kinh phí đề nghị hỗ trợ.

4. Quy trình thực hiện:

a) Đối với các chính sách quy định tại điểm a, điểm b, điểm c, điểm d khoản 2 Điều này:

- Trước ngày 15 tháng 5 hàng năm, Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn gửi 02 (hai) bộ hồ sơ theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều này đến Ủy ban nhân dân huyện, thành phố, thị xã;

- Trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ đề nghị của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố, thị xã rà soát, tổng hợp danh sách các đối tượng đủ điều kiện thụ hưởng chính sách và các hồ sơ theo quy định gửi Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

- Căn cứ danh sách các đối tượng đủ điều kiện thụ hưởng chính sách và các hồ sơ theo quy định do Ủy ban nhân dân huyện, thành phố, thị xã trình;

trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì phối hợp với Ủy ban nhân dân huyện, thành phố, thị xã, Chủ sở hữu di tích tổ chức kiểm tra, thẩm định đối tượng, điều kiện, thống nhất bằng biên bản với địa phương và tổng hợp dự kiến phân bổ kinh phí hỗ trợ gửi Sở Tài chính;

- Sau khi nhận được đầy đủ các tài liệu, hồ sơ liên quan của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, Sở Tài chính có trách nhiệm soát xét và trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định. Thời gian trình Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện 01 (một) lần/năm;

Trường hợp hồ sơ không hợp lệ hoặc không đủ điều kiện hỗ trợ, trong vòng 07 (bảy) ngày làm việc, Sở Tài chính có văn bản thông báo gửi tới Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch nêu rõ lý do;

- Sau khi nhận được đầy đủ hồ sơ liên quan của Sở Tài chính, trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định;

- Sau khi có quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh, trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, Sở Tài chính thực hiện việc cấp phát kinh phí theo quy định.

b) Đối với chính sách quy định tại điểm đ khoản 2 Điều này:

- Trước ngày 30 tháng 9 hàng năm, Bảo tàng tỉnh lập 02 (hai) bộ hồ sơ theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều này gửi Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

- Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ của Bảo tàng tỉnh, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch kiểm tra, thẩm định và tổng hợp kinh phí đề nghị hỗ trợ gửi Sở Tài chính;

- Sau khi nhận được đầy đủ các tài liệu, hồ sơ liên quan của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, Sở Tài chính soát xét và trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định. Thời gian trình Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện 01 (một) lần/năm;

Trường hợp hồ sơ không hợp lệ hoặc không đủ điều kiện hỗ trợ, trong vòng 07 (bảy) ngày làm việc, Sở Tài chính có văn bản thông báo gửi tới Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch nêu rõ lý do;

- Sau khi có quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh, trong thời gian 07 (bảy) ngày làm việc, Sở Tài chính thực hiện việc cấp phát kinh phí theo quy định.

Điều 6. Chính sách bảo tồn và phát huy giá trị các di sản văn hóa được UNESCO ghi danh và các danh nhân tiêu biểu khác

1. Mức hỗ trợ, nội dung, đối tượng

a) Hỗ trợ 30.000.000 đồng cho các Câu lạc bộ Dân ca Ví, Giặm Nghệ Tĩnh các xã, phường, thị trấn thành lập mới. Hỗ trợ 5.000.000 đồng/năm/câu lạc bộ cho các Câu lạc bộ đã được thành lập và duy trì hoạt động tối thiểu 15 buổi sinh hoạt/năm;

b) Hỗ trợ 100.000.000 đồng/Câu lạc bộ cho các Câu lạc bộ Ca trù, Trò Kiều thành lập mới. Hỗ trợ duy trì hoạt động 30.000.000 đồng/Câu lạc bộ/năm cho các Câu lạc bộ Ca trù, Trò Kiều đã được thành lập từ những năm trước;

c) Hỗ trợ 1.000.000 đồng/người/tháng đối với Nghệ nhân ưu tú; hỗ trợ 1.500.000 đồng/người/tháng đối với Nghệ nhân nhân dân;

d) Hỗ trợ 100% kinh phí (tối đa 200 triệu đồng) cho các tổ chức, cá nhân thực hiện tư liệu hóa, số hóa các làn điệu, lời cổ, bản cổ về các di sản văn hóa được UNESCO ghi danh;

đ) Hỗ trợ 50% kinh phí (tối đa 100 triệu đồng) cho các tổ chức, cá nhân thực hiện sưu tầm, xuất bản các ấn phẩm về các di sản văn hóa được UNESCO ghi danh, các tác phẩm của Đại thi hào Nguyễn Du và các tác giả tiêu biểu của dòng họ Nguyễn - Tiên Điền, Nguyễn Huy - Trường Lưu và các danh nhân tiêu biểu khác;

e) Hỗ trợ 100% kinh phí học phí theo quy định của cơ sở đào tạo (tối đa 30 triệu đồng) cho các ca nương, kép đàn trong lĩnh vực Ca trù, nghệ nhân Trò Kiều, ngâm Kiều, vịnh Kiều tham gia đào tạo, bồi dưỡng nâng cao kiến thức tại các cơ sở đào tạo trong và ngoài tỉnh.

2. Hồ sơ đề nghị hỗ trợ:

a) Đối với chính sách quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều này:

- Tờ trình đề nghị cấp kinh phí thực hiện chính sách (theo Mẫu số 05 Phụ lục kèm theo);

- Quyết định thành lập, kế hoạch, quy chế hoạt động của Câu lạc bộ;

Trường hợp hỗ trợ duy trì từ lần thứ hai trở đi thì chỉ cần danh sách đề xuất của Ủy ban nhân dân huyện, thành phố, thị xã.

b) Đối với chính sách quy định điểm c khoản 1 Điều này:

- Bản sao các Quyết định phong tặng danh hiệu vinh dự nhà nước “Nghệ nhân nhân dân”, “Nghệ nhân ưu tú”;

- Danh sách trích ngang “Nghệ nhân nhân dân”, “Nghệ nhân ưu tú” đề nghị hỗ trợ chính sách.

- Dự toán kinh phí đề nghị hỗ trợ.

c) Đối với các chính sách quy định tại điểm d, điểm đ, điểm e khoản 1 Điều này:

- Văn bản đề nghị của các tổ chức, cá nhân đủ điều kiện thụ hưởng chính sách;

- Hồ sơ, chứng từ có liên quan nội dung đề nghị hỗ trợ.

3. Quy trình thực hiện:

a) Đối với chính sách quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều này:

- Trước ngày 15 tháng 5 hàng năm, Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn gửi 02 (hai) bộ hồ sơ theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều này về Ủy ban nhân dân huyện, thành phố, thị xã;

- Trong thời hạn 20 (hai mươi) ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ đề nghị hỗ trợ của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố, thị xã tổng hợp danh sách các Câu lạc bộ đủ điều kiện thụ hưởng chính sách và các hồ sơ theo quy định về Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

- Trong thời hạn 20 (hai mươi) ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ đề nghị của Ủy ban nhân dân huyện, thành phố, thị xã, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch rà soát, thẩm định đối tượng, điều kiện và tổng hợp dự kiến phân bổ kinh phí hỗ trợ gửi Sở Tài chính;

- Sau khi nhận được đầy đủ các tài liệu, hồ sơ liên quan của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, Sở Tài chính có trách nhiệm soát xét và trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định. Thời gian trình Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện 01 (một) lần/năm.

Trường hợp hồ sơ không hợp lệ hoặc không đủ điều kiện hỗ trợ, trong vòng 07 (bảy) ngày làm việc, Sở Tài chính có văn bản thông báo gửi tới Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch nêu rõ lý do;

- Sau khi nhận được đầy đủ hồ sơ liên quan của Sở Tài chính, trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định;

- Sau khi có quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh, trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, Sở Tài chính thực hiện việc cấp phát kinh phí theo quy định.

b) Đối với chính sách quy định điểm c khoản 1 Điều này:

- Trước 30 tháng 10 hàng năm, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch thẩm định hồ sơ, đối tượng đủ điều kiện thụ hưởng; tổng hợp danh sách trích ngang “Nghệ nhân nhân dân”, “Nghệ nhân ưu tú” đề nghị hỗ trợ kinh phí gửi Sở Tài chính;

- Sau khi nhận được đầy đủ các tài liệu, hồ sơ liên quan của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, Sở Tài chính có trách nhiệm soát xét và trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định. Thời gian trình Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện 01 (một) lần/năm.

Trường hợp hồ sơ không hợp lệ hoặc không đủ điều kiện hỗ trợ, trong vòng 07 (bảy) ngày làm việc, Sở Tài chính có văn bản thông báo gửi tới Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch nêu rõ lý do;

- Sau khi nhận được đầy đủ hồ sơ liên quan của Sở Tài chính, trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định;

- Sau khi có quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh, trong thời gian 07 (bảy) ngày làm việc, Sở Tài chính thực hiện việc cấp phát kinh phí theo quy định.

c) Đối với các chính sách quy định tại điểm d, điểm đ, điểm e khoản 1 Điều này:

- Các tổ chức, cá nhân đủ điều kiện thụ hưởng chính sách gửi 02 (hai) bộ hồ sơ theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều này về Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch trước ngày 15 tháng 5 hàng năm;

- Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch rà soát, thẩm định đối tượng, điều kiện và tổng hợp dự kiến phân bổ kinh phí hỗ trợ gửi Sở Tài chính;

- Sau khi nhận được đầy đủ hồ sơ liên quan của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, Sở Tài chính soát xét và trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định. Thời gian trình Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện 01 (một) lần/năm.

Trường hợp hồ sơ không hợp lệ hoặc không đủ điều kiện hỗ trợ, trong vòng 07 (bảy) ngày làm việc, Sở Tài chính có văn bản thông báo gửi tới Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch nêu rõ lý do;

- Sau khi nhận được đầy đủ hồ sơ liên quan của Sở Tài chính, trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định;

- Sau khi có quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh, trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, Sở Tài chính thực hiện việc cấp phát kinh phí theo quy định.

Điều 7. Chính sách hỗ trợ hoạt động đối với Nhà hát Nghệ thuật truyền thống

1. Nội dung, mức hỗ trợ:

a) Hỗ trợ kinh phí thuê cộng tác viên tham gia biểu diễn trong các chương trình nghệ thuật phục vụ nhiệm vụ chính trị được Ủy ban nhân dân tỉnh giao: Từ 3.000.000 - 5.000.000 đồng/người/chương trình;

Số lượng người tùy thuộc vào yêu cầu nhiệm vụ và quy mô các chương trình, nhưng tối đa không quá 20 người/chương trình và phải được sự đồng ý của cơ quan chủ quản;

b) Hỗ trợ kinh phí tham gia các cuộc thi, hội diễn, liên hoan nghệ thuật chuyên nghiệp do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Hội Nhạc sĩ Việt Nam, Hội Nghệ sĩ sân khấu Việt Nam, Hội Nghệ sĩ Múa Việt Nam tổ chức (tối đa không quá 01 (một) cuộc/năm và phải được sự đồng ý của Ủy ban nhân dân tỉnh):

- Mức hỗ trợ chế độ nhuận bút, thù lao đối với tác phẩm sân khấu và các loại hình nghệ thuật biểu diễn khác: theo quy định tại Nghị định số 21/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định về nhuận bút, thù lao đối với tác phẩm điện ảnh, mỹ thuật, nhiếp ảnh, sân khấu và các loại hình nghệ thuật biểu diễn khác;

- Mức hỗ trợ chế độ bồi dưỡng luyện tập, bồi dưỡng biểu diễn: theo quy

định tại Quyết định số 14/2015/QĐ-TTg ngày 20 tháng 5 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ phụ cấp ưu đãi nghề nghiệp và chế độ bồi dưỡng đối với người làm việc trong lĩnh vực nghệ thuật biểu diễn;

- Mức hỗ trợ chế độ chế độ công tác phí: theo quy định tại Nghị quyết số 70/2017/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị.

2. Hồ sơ đề nghị hỗ trợ:

a) Đối với chính sách quy định tại điểm a khoản 1 Điều này:

- Tờ trình đề nghị cấp kinh phí thực hiện chính sách (*theo Mẫu số 04 Phụ lục kèm theo*);

- Văn bản chỉ đạo của cơ quan cấp trên;

- Chương trình, Dự toán kinh phí.

b) Đối với chính sách quy định tại điểm b khoản 1 Điều này:

- Tờ trình đề nghị cấp kinh phí thực hiện chính sách (*theo Mẫu số 04 Phụ lục kèm theo*);

- Thông báo hoặc các văn bản liên quan của cơ quan tổ chức cuộc thi, hội diễn, liên hoan;

- Văn bản chấp thuận của Ủy ban nhân dân tỉnh;

- Chương trình, Dự toán kinh phí.

3. Quy trình thực hiện:

a) Đối với chính sách quy định tại điểm a khoản 1 Điều này:

- Sau khi có chủ trương của Ủy ban nhân dân tỉnh, Nhà hát Nghệ thuật truyền thống gửi 02 (hai) bộ hồ sơ theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều này về Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

- Trong thời hạn 5 (năm) ngày làm việc kể từ khi nhận được đầy đủ hồ sơ của Nhà hát Nghệ thuật truyền thống, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch rà soát, thẩm định đối tượng, điều kiện và tổng hợp dự kiến phân bổ kinh phí hỗ trợ gửi Sở Tài chính;

- Sau khi nhận được đầy đủ các tài liệu, hồ sơ liên quan của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, Sở Tài chính có trách nhiệm soát xét và trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định;

Trường hợp hồ sơ không hợp lệ hoặc không đủ điều kiện hỗ trợ, trong vòng 07 (bảy) ngày làm việc, Sở Tài chính có văn bản thông báo gửi tới Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch nêu rõ lý do;

- Sau khi nhận được đầy đủ hồ sơ liên quan của Sở Tài chính, trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định;

- Sau khi có quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh, trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, Sở Tài chính thực hiện việc cấp phát kinh phí theo quy định.

b) Đối với chính sách quy định tại điểm b khoản 1 Điều này:

- Trên cơ sở Thông báo hoặc các văn bản liên quan của cơ quan tổ chức cuộc thi, hội diễn, liên hoan, Nhà hát Nghệ thuật truyền thống báo cáo Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch để xin chủ trương của Ủy ban nhân dân tỉnh;

- Sau khi có chủ trương của Ủy ban nhân dân tỉnh, Nhà hát Nghệ thuật truyền thống gửi 02 (hai) bộ hồ sơ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều này về Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

- Trong thời hạn 5 (năm) ngày làm việc kể từ khi nhận được đầy đủ hồ sơ của Nhà hát Nghệ thuật truyền thống, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch rà soát, thẩm định đối tượng, điều kiện và tổng hợp dự kiến phân bổ kinh phí hỗ trợ gửi Sở Tài chính;

- Sau khi nhận được đầy đủ hồ sơ liên quan của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, Sở Tài chính soát xét và trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định;

- Sau khi nhận được đầy đủ hồ sơ liên quan của Sở Tài chính, trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định;

- Sau khi có quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh, trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, Sở Tài chính thực hiện việc cấp phát kinh phí theo quy định.

Điều 8. Chính sách đối với viên chức, người lao động của Nhà hát Nghệ thuật truyền thống

1. Nội dung, đối tượng, mức hỗ trợ:

a) Chính sách hỗ trợ viên chức, người lao động nghỉ hưu trước tuổi:

Viên chức, người lao động thuộc đối tượng tinh giản biên chế quy định tại Điều 6 Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20 tháng 11 năm 2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế đã được sửa đổi, bổ sung tại Điều 1 Nghị định số 113/2018/NĐ-CP ngày 31 tháng 8 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2014/NĐ-CP và sửa đổi, bổ sung tại Điều 1 Nghị định số 143/2020/NĐ-CP ngày 10 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20 tháng 11 năm 2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế và Nghị định số 113/2018/NĐ-CP ngày 31 tháng 8 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20 tháng 11 năm 2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế có tuổi thấp hơn tối đa 2 tuổi và thấp hơn tối thiểu đủ 1 tuổi so với tuổi nghỉ hưu quy định tại khoản 2 Điều 169 Bộ luật Lao động, có thời gian đóng bảo hiểm xã hội đủ 20 (hai mươi) năm trở lên, ngoài chính sách được hưởng theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20 tháng 11 năm 2014, Nghị định số 113/2018/NĐ-CP ngày 31 tháng 8 năm 2018

và Nghị định số 143/202/NĐ-CP ngày 10 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ được: Trợ cấp 35.000.000 đồng cho hai mươi năm đầu công tác, có đóng đủ bảo hiểm xã hội; Từ năm thứ hai mươi một trở đi, cứ mỗi năm công tác có đóng bảo hiểm xã hội được trợ cấp 3.500.000 đồng/tháng.

Thời gian tính hỗ trợ là thời gian tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc theo quy định nhưng chưa hưởng trợ cấp thôi việc hoặc chưa hưởng chế độ bảo hiểm xã hội một lần. Nếu thời gian tính chế độ có tháng lẻ thì được tính tròn theo nguyên tắc: Dưới 03 tháng thì không tính, từ đủ 03 tháng đến đủ 06 tháng tính là 1/2 năm; từ trên 06 tháng đến dưới 12 tháng tính tròn là 01 năm.

b) Chính sách hỗ trợ viên chức, người lao động thôi việc ngay:

Viên chức, người lao động có tuổi đời trên 50 tuổi đối với nam, trên 45 tuổi đối với nữ và thấp hơn tối thiểu 05 tuổi so với tuổi nghỉ hưu quy định tại khoản 2 Điều 169 Bộ luật Lao động, có nguyện vọng thôi việc ngay và được cơ quan có thẩm quyền đồng ý; ngoài chính sách thôi việc theo quy định tại Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ, được: Trợ cấp 35.000.000 đồng để tìm việc làm và 7.000.000 đồng cho mỗi năm công tác có đóng bảo hiểm xã hội và được bảo lưu thời gian đóng bảo hiểm xã hội hoặc nhận trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội.

Thời gian tính hỗ trợ là thời gian tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc theo quy định nhưng chưa hưởng trợ cấp thôi việc hoặc chưa hưởng chế độ bảo hiểm xã hội một lần. Nếu thời gian tính chế độ có tháng lẻ thì được tính tròn theo nguyên tắc: Dưới 03 tháng thì không tính, từ đủ 03 tháng đến đủ 06 tháng tính là 1/2 năm; từ trên 06 tháng đến dưới 12 tháng tính tròn là 01 năm.

c) Chính sách hỗ trợ đào tạo lại:

Viên chức thuộc diện dư thừa được rà soát theo vị trí việc làm, đủ điều kiện theo Điều 5, Điều 6 Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01 tháng 09 năm 2017 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức và được cấp có thẩm quyền cử đi đào tạo lại để bố trí việc làm cho phù hợp, ngoài quyền lợi theo quy định tại khoản 1 Điều 37 Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01 tháng 09 năm 2017, được:

- Hỗ trợ chi phí dịch vụ đào tạo;
- Hỗ trợ tiền mua tài liệu bắt buộc;
- Hỗ trợ 02 (hai) lượt tiền vé tàu hoặc xe đi và về mỗi năm đối với trường hợp cơ sở đào tạo các đơn vị công tác từ 25km trở lên.

d) Chính sách hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp:

Viên chức có tuổi đời trên 45 tuổi đối với nam, trên 40 tuổi đối với nữ tự học tập nâng cao trình độ (từ trình độ cao đẳng trở lên) để chuyển đổi nghề nghiệp, sau khi được các cơ quan, đơn vị mới tiếp nhận thì được hỗ trợ 100% chi phí dịch vụ đào tạo nhưng không quá 50.000.000 đồng/người.

2. Hồ sơ đề nghị hỗ trợ:

a) Đối với các chính sách quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều này:

- Văn bản đề nghị hỗ trợ;
- Danh sách đối tượng đề nghị hỗ trợ;
- Dự toán kinh phí.

b) Đối với các chính sách quy định tại điểm c, điểm d khoản 1 Điều này:

- Văn bản đề nghị hỗ trợ;
- Bản sao văn bằng, chứng chỉ;
- Biên lai thu tiền của cơ sở đào tạo.

3. Quy trình thực hiện:

a) Hàng năm, Nhà hát Nghệ thuật truyền thống gửi 02 (hai) bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều này đến Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

b) Trong thời hạn 5 (năm) ngày làm việc kể từ khi nhận được đầy đủ hồ sơ của Nhà hát Nghệ thuật truyền thống, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch rà soát, thẩm định đối tượng, điều kiện và tổng hợp dự kiến phân bổ kinh phí hỗ trợ gửi Sở Tài chính;

c) Sau khi nhận được đầy đủ các tài liệu, hồ sơ liên quan của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, Sở Tài chính có trách nhiệm soát xét và trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

Trường hợp hồ sơ không hợp lệ hoặc không đủ điều kiện hỗ trợ, trong vòng 07 (bảy) ngày làm việc, Sở Tài chính có văn bản thông báo gửi tới Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch nêu rõ lý do;

d) Sau khi nhận được đầy đủ hồ sơ liên quan của Sở Tài chính, trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định;

đ) Sau khi có quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh, trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, Sở Tài chính thực hiện việc cấp phát kinh phí theo quy định.

Chương III

CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN THỂ THAO THÀNH TÍCH CAO

Điều 9. Chế độ tiền lương, tiền hỗ trợ tập luyện, tập huấn, thi đấu; bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp

1. Đối tượng và điều kiện hỗ trợ:

Huấn luyện viên, vận động viên thuộc đội tuyển, đội tuyển trẻ, đội tuyển năng khiếu của tỉnh Hà Tĩnh.

2. Nội dung, mức chi:

a) Tiền lương, tiền hỗ trợ tập huấn, thi đấu: Được hưởng theo quy định tại Điều 3 Nghị định số 152/2018/NĐ-CP ngày 07/11/2018 của Chính phủ.

b) Chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp: Được hưởng theo quy định tại Điều 4 Nghị định 152/2018/NĐ-CP của Chính phủ.

c) Hỗ trợ tiền huấn luyện, tập luyện hàng ngày đối với huấn luyện viên, vận động viên không hưởng lương từ ngân sách nhà nước:

- Đối với huấn luyện viên: 200.000 đồng/người/ngày;

- Đối với vận động viên: 150.000 đồng/người/ngày.

d) Hỗ trợ chi phí đối với huấn luyện viên, vận động viên không hưởng lương từ ngân sách:

Ngoài chế độ được hưởng theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều này, còn được hỗ trợ thêm như sau:

- Đối với Đội tuyển Bóng chuyên Hà Tĩnh khi thi đấu tại giải Vô địch Quốc gia: huấn luyện viên trưởng: 25.000.000 đồng/người/tháng; huấn luyện viên phó: 18.000.000 đồng/người/tháng; cầu thủ đội hình chính: 10.000.000 đồng/người/tháng; cầu thủ đội hình dự bị: 7.000.000 đồng/người/tháng; cầu thủ đội tuyển trẻ: 4.000.000 đồng/người/tháng;

- Đối với Đội tuyển Bóng chuyên Hà Tĩnh khi thi đấu tại giải hạng A toàn quốc: huấn luyện viên trưởng: 18.000.000 đồng/người/tháng; huấn luyện viên phó: 15.000.000 đồng/người/tháng; cầu thủ đội hình chính: 8.000.000 đồng/người/tháng; cầu thủ đội hình dự bị: 5.000.000 đồng/người/tháng; cầu thủ đội tuyển trẻ: 4.000.000 đồng/người/tháng;

- Đối với Đội tuyển bóng đá trẻ các lứa tuổi U11, U13, U15, U17, U19: huấn luyện viên trưởng: 15.000.000 đồng/người/tháng; huấn luyện viên phó: 12.000.000 đồng/người/tháng.

3. Quy trình thực hiện:

a) Hàng năm, Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu thể dục, thể thao tỉnh tổng hợp kinh phí của các đối tượng thụ hưởng theo quy định gửi Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch thẩm định;

b) Trong thời hạn 5 (năm) ngày làm việc kể từ khi nhận được đầy đủ hồ sơ của Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu thể dục, thể thao tỉnh, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch rà soát, thẩm định đối tượng, điều kiện thụ hưởng và tổng hợp dự kiến phân bổ kinh phí gửi Sở Tài chính;

c) Sau khi nhận được đầy đủ các tài liệu, hồ sơ liên quan của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, Sở Tài chính có trách nhiệm soát xét và trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định;

Trường hợp hồ sơ không hợp lệ hoặc không đủ điều kiện hỗ trợ, trong

vòng 05 (năm) ngày làm việc, Sở Tài chính có văn bản thông báo gửi tới Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch nêu rõ lý do;

d) Sau khi có quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh, trong thời gian 07 (bảy) ngày làm việc, Sở Tài chính thực hiện việc cấp phát kinh phí theo quy định.

Điều 10. Chế độ dinh dưỡng

1. Nội dung, đối tượng, mức hỗ trợ:

a) Chế độ dinh dưỡng đối với huấn luyện viên, vận động viên trong thời gian tập luyện, huấn luyện theo Quyết định triệu tập của cơ quan chức năng có thẩm quyền.

- Đối với huấn luyện viên, vận động viên đội tuyển tỉnh: 220.000 đồng/người/ngày;

- Đối với huấn luyện viên, vận động viên đội tuyển trẻ: 170.000 đồng/người/ngày.

b) Chế độ dinh dưỡng đối với huấn luyện viên, vận động viên trong thời gian tập trung thi đấu tại các giải thể thao thành tích cao theo Quyết định triệu tập của cơ quan chức năng có thẩm quyền (*trừ Đại hội thể thao khu vực, châu lục và thế giới tổ chức tại Việt Nam, Giải thi đấu vô địch, giải thi đấu vô địch trẻ từng môn thể thao cấp khu vực, châu lục và thế giới tổ chức tại Việt Nam*) thực hiện theo quy định tại Thông tư số 86/2020/TT-BTC ngày 26/10/2020 của Bộ Tài chính;

c) Chế độ dinh dưỡng đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao người khuyết tật trong thời gian được triệu tập tham gia luyện tập, tập huấn và thi đấu: Được áp dụng chế độ dinh dưỡng như huấn luyện viên, vận động viên đội tuyển tỉnh quy định tại điểm a, điểm b khoản này;

d) Hỗ trợ thêm chế độ dinh dưỡng (*bằng tiền mặt*) trong thời gian tập luyện, tập huấn, thi đấu (*tối đa không quá 12 tháng*) đối với vận động viên thể thao thành tích cao: đối với vận động viên cấp kiện tướng: 25.000 đồng/người/ngày; đối với vận động viên cấp I: 15.000 đồng/người/ngày.

2. Quy trình thực hiện:

a) Hàng năm, Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu thể dục, thể thao tỉnh tổng hợp kinh phí của các đối tượng thụ hưởng theo quy định gửi Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch thẩm định;

b) Trong thời hạn 5 (năm) ngày làm việc kể từ khi nhận được đầy đủ hồ sơ của Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu thể dục, thể thao tỉnh, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch rà soát, thẩm định đối tượng, điều kiện thụ hưởng và tổng hợp dự kiến phân bổ kinh phí gửi Sở Tài chính;

c) Sau khi nhận được đầy đủ các tài liệu, hồ sơ liên quan của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, Sở Tài chính có

trách nhiệm soát xét và trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định. Thời gian trình Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện 01 (một) lần/năm;

Trường hợp hồ sơ không hợp lệ hoặc không đủ điều kiện hỗ trợ, trong vòng 05 (năm) ngày làm việc, Sở Tài chính có văn bản thông báo gửi tới Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch nêu rõ lý do;

d) Sau khi có quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh, trong thời gian 07 (bảy) ngày làm việc, Sở Tài chính thực hiện việc cấp phát kinh phí theo quy định.

Điều 11. Chế độ, chính sách khác

1. Nội dung, đối tượng, mức hỗ trợ:

a) Hỗ trợ tiền tàu xe, chi phí thi đấu và trang thiết bị tập luyện hàng năm đối với huấn luyện viên, vận động viên bộ môn bóng đá: vận động viên: 15.000.000 đồng/người/năm; huấn luyện viên: 10.000.000 đồng/người/năm;

b) Hỗ trợ tiền lưu trú cho huấn luyện viên, vận động viên trong gian đi thi đấu tại các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương: 200.000 đồng/người/ngày;

c) Hỗ trợ huấn luyện viên, vận động viên, mua sắm trang thiết bị, dụng cụ tập luyện cho các tuyến lớp nghiệp dư bóng đá liên huyện, thành phố, thị xã (tối đa 06 lớp): 80.000.000 đồng/lớp/năm;

d) Hỗ trợ một lần đối với vận động viên không thuộc đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội khi thôi không tham gia tập luyện, thi đấu tại các đội tuyển;

Cứ mỗi 12 tháng làm vận động viên tập trung được hưởng 5.000.000 đồng (nếu có thời gian ngắt quãng thì được tính cộng dồn). Sau khi tính chẵn 12 tháng, thời gian lẻ tiếp theo được tính như sau: lẻ dưới 03 tháng thì không tính; lẻ từ đủ 03 tháng đến dưới 06 tháng được hưởng 2.500.000 đồng; lẻ từ đủ 06 tháng đến dưới 12 tháng được hưởng 5.000.000 đồng;

đ) Hỗ trợ kinh phí tổ chức Giải Bóng đá Thiếu niên Nhi đồng; Giải Bóng đá Vô địch toàn tỉnh; Giải bóng đá Festival: 150.000.000 đồng/giải/năm.

2. Hồ sơ đề nghị hỗ trợ:

a) Đối với chính sách quy định tại điểm d khoản 1 Điều này:

- Tờ trình đề nghị cấp kinh phí thực hiện chính sách (theo Mẫu số 04 Phụ lục kèm theo);

- Dự toán kinh phí thực hiện chính sách;

- Thông báo trúng tuyển đơn vị quản lý vận động viên;

- Quyết định của cho đơn vị quản lý vận động viên về việc cho vận động viên nghỉ tập luyện;

b) Đối với các chính sách quy định tại điểm đ khoản 1 Điều này:

- Tờ trình đề nghị cấp kinh phí thực hiện chính sách (theo Mẫu số 04 Phụ

lục kèm theo);

- Kế hoạch tổ chức Giải;
- Điều lệ Giải;
- Dự toán kinh phí tổ chức Giải;

3. Quy trình thực hiện:

a) Đối với các chế độ quy định tại điểm a, điểm b, điểm c khoản 1 Điều này:

- Hàng năm, Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu thể dục, thể thao tỉnh tổng hợp kinh phí của các đối tượng thụ hưởng theo quy định gửi Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch thẩm định;

- Trong thời hạn 5 (năm) ngày làm việc kể từ khi nhận được đầy đủ hồ sơ của Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu thể dục, thể thao tỉnh, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch rà soát, thẩm định đối tượng, điều kiện thụ hưởng và tổng hợp dự kiến phân bổ kinh phí gửi Sở Tài chính;

- Sau khi nhận được văn bản đề nghị hỗ trợ và Kế hoạch dự toán năm của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, Sở Tài chính soát xét và trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định. Thời gian trình Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện 01 lần/năm;

Trường hợp hồ sơ không hợp lệ hoặc không đủ điều kiện hỗ trợ, trong vòng 05 (năm) ngày làm việc, Sở Tài chính có văn bản thông báo gửi tới Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch nêu rõ lý do;

- Sau khi có quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh, trong thời gian 07 (bảy) ngày làm việc, Sở Tài chính thực hiện việc cấp phát kinh phí theo quy định;

b) Đối với chế độ quy định tại điểm d khoản 1 Điều này:

- Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu thể dục, thể thao tỉnh Hà Tĩnh gửi 02 (hai) bộ hồ sơ theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều này về Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

- Căn cứ vào hồ sơ đề nghị hỗ trợ, trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm thẩm định hồ sơ, đối tượng, tổng hợp gửi Sở Tài chính;

- Sau khi nhận được đầy đủ các tài liệu, hồ sơ liên quan của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, Sở Tài chính có trách nhiệm soát xét và trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định;

Trường hợp hồ sơ không hợp lệ hoặc không đủ điều kiện hỗ trợ, trong vòng 05 (năm) ngày làm việc, Sở Tài chính có văn bản thông báo gửi tới Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch nêu rõ lý do;

- Sau khi có quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh, trong thời gian 07 (bảy) ngày làm việc, Sở Tài chính thực hiện việc cấp phát kinh phí theo quy định;

c) Đối với chính sách quy định tại điểm đ khoản 1 Điều này:

- Đơn vị trực tiếp tổ chức các hoạt động quy định tại điểm đ khoản 1 Điều này gửi 02 (hai) bộ hồ sơ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều này về Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

- Căn cứ hồ sơ đề nghị hỗ trợ, trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức kiểm tra, thẩm định đối tượng, điều kiện và tổng hợp kinh phí đề nghị hỗ trợ gửi Sở Tài chính;

- Sau khi nhận được đầy đủ các tài liệu, hồ sơ liên quan của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, Sở Tài chính có trách nhiệm soát xét và trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định;

Trường hợp hồ sơ không hợp lệ hoặc không đủ điều kiện hỗ trợ, trong vòng 05 (năm) ngày làm việc, Sở Tài chính có văn bản thông báo gửi tới Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch nêu rõ lý do;

- Sau khi có quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh, trong thời gian 07 (bảy) ngày làm việc, Sở Tài chính thực hiện việc cấp phát kinh phí theo quy định.

Điều 12. Chính sách thưởng đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao thành tích cao

1. Nội dung, đối tượng, mức thưởng:

a) Thưởng cho vận động viên đạt thành tích tại giải Vô địch thế giới, Đại hội Olympic: 100.000.000 đồng/huy chương Vàng, 50.000.000 đồng/huy chương Bạc, 30.000.000 đồng/huy chương Đồng;

b) Thưởng cho vận động viên đạt thành tích tại giải Vô địch trẻ Thế giới, Vô địch châu Á, Vô địch Đông Nam Á, Đại hội Trẻ Olympic, Đại hội thể thao Châu Á - ASIAD, Đại hội thể thao trong nhà Châu Á - INDOOR GAMES, Đại hội Thể thao Đông Nam Á - SEA Games: 20.000.000 đồng/huy chương Vàng, 15.000.000 đồng/huy chương Bạc, 10.000.000 đồng/huy chương Đồng;

c) Thưởng cho vận động viên đạt thành tích tại giải Vô địch trẻ Châu Á, Vô địch trẻ Đông Nam Á, Vô địch quốc gia, Các giải quốc tế trong khu vực Đông Nam Á, Đại hội Thể dục, thể thao toàn quốc: 15.000.000 đồng/huy chương Vàng, 10.000.000 đồng/huy chương Bạc, 7.000.000 đồng/huy chương Đồng;

d) Thưởng cho vận động viên đạt thành tích tại giải Vô địch Trẻ cấp quốc gia, Cúp quốc gia và các giải khu vực cấp quốc gia: 7.000.000 đồng/huy chương Vàng, 5.000.000 đồng/huy chương Bạc, 3.000.000 đồng/huy chương Đồng;

đ) Mức thưởng đối với thành tích các môn thể thao đồng đội được tính bằng số lượng người tham gia môn thể thao đồng đội nhân với 50% mức thưởng cho 1 vận động viên quy định tại điểm a, điểm b, điểm c, điểm d khoản này;

e) Mức thưởng đối với vận động viên phá kỷ lục:

Ngoài mức thưởng quy định tại điểm a, điểm b, điểm c, điểm d, điểm đ

khoản này, vận động viên phá kỷ lục tại các giải đấu quốc gia, khu vực, quốc tế được thưởng thêm như sau: phá kỷ lục Thế giới: 30.000.000 đồng; phá kỷ lục Châu Á: 20.000.000 đồng; phá kỷ lục Đông Nam Á: 15.000.000 đồng; phá kỷ lục quốc gia: 8.000.000 đồng; phá kỷ lục tại các giải thi đấu vô địch trẻ quốc gia: 5.000.000 đồng;

g) Mức thưởng đối với huấn luyện viên:

- Huấn luyện viên trực tiếp đào tạo vận động viên đạt thành tích trong thi đấu các giải quốc gia, khu vực, quốc tế được thưởng bằng mức thưởng đối với thành tích của vận động viên. Trường hợp một huấn luyện viên có hai vận động viên trở lên đạt thành tích trong cùng một giải đấu thì mức thưởng được tính bằng 100% mức thưởng của vận động viên có thành tích cao nhất cộng với 50% mức thưởng của vận động viên thứ 2 và 30% mức thưởng của các vận động viên thứ 3 trở lên;

- Huấn luyện viên trực tiếp đào tạo các môn thể thao đồng đội đạt thành tích trong thi đấu các giải quốc gia, khu vực, quốc tế được thưởng mức thưởng chung bằng số lượng huấn luyện viên theo quy định nhân với 50% mức thưởng đối với 01 (một) cá nhân vận động viên đạt giải tương ứng;

h) Mức thưởng đối với huấn luyện viên, vận động viên, lập thành tích tại các giải thể thao giành cho người khuyết tật Đông Nam Á, Châu Á, Thế giới và các giải thuộc hệ thống thi đấu thể thao cấp quốc gia được thưởng bằng mức thưởng tương ứng theo quy định tại điểm a, điểm b, điểm c, điểm d, điểm đ, điểm e, điểm g khoản này;

i) Mức thưởng đối với Đội bóng chuyên Hà Tĩnh đạt thành tích tại Giải Vô địch quốc gia: 500.000.000 đồng/huy chương Vàng; 300.000.000 đồng/huy chương Bạc; 200.000.000 đồng/huy chương Đồng;

k) Mức thưởng đối với Đội bóng chuyên Hà Tĩnh đạt thành tích tại Cúp quốc gia: 200.000.000 đồng/huy chương Vàng; 150.000.000 đồng/huy chương Bạc; 100.000.000 đồng/huy chương Đồng;

l) Mức thưởng đối với Đội bóng chuyên Hà Tĩnh đạt thành tích tại các giải khác trong hệ thống thi đấu của Liên đoàn Bóng chuyên: 150.000.000 đồng/huy chương Vàng; 100.000.000 đồng/huy chương Bạc; 70.000.000 đồng/huy chương Đồng;

m) Mức thưởng cho Câu lạc bộ bóng đá chuyên nghiệp Hà Tĩnh đạt thành tích tại giải Vô địch Quốc gia: 500.000.000 đồng/huy chương Vàng; 300.000.000 đồng/huy chương Bạc; 200.000.000 đồng/huy chương Đồng;

n) Mức thưởng cho Câu lạc bộ bóng đá chuyên nghiệp Hà Tĩnh đạt thành tích tại Cúp quốc gia: 400.000.000 đồng/huy chương Vàng; 200.000.000 đồng/huy chương Bạc; 100.000.000 đồng/huy chương Đồng;

o) Mức thưởng cho Câu lạc bộ bóng đá chuyên nghiệp Hà Tĩnh đạt thành

tích tại giải hạng Nhất Quốc gia: 400.000.000 đồng/huy chương Vàng; 200.000.000 đồng/huy chương Bạc; 100.000.000 đồng/huy chương Đồng;

p) Mức thưởng cho các đội tuyển bóng đá trẻ đạt thành tích tại giải bóng đá trẻ thuộc hệ thống thi đấu của Liên đoàn bóng đá Việt Nam: 150.000.000 đồng/huy chương Vàng; 100.000.000 đồng/huy chương Bạc; 70.000.000 đồng/huy chương Đồng.

2. Hồ sơ đề nghị khen thưởng:

a) Tờ trình đề nghị cấp kinh phí thực hiện chính sách (*theo Mẫu số 04 Phụ lục kèm theo*);

b) Bảng tổng hợp danh sách đề nghị khen thưởng;

c) Bản sao thành tích thi đấu;

d) Các tài liệu, hồ sơ liên quan (nếu có).

3. Quy trình thực hiện:

a) Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu thể dục, thể thao tỉnh Hà Tĩnh gửi 02 (hai) bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều này về Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

b) Căn cứ vào hồ sơ đề nghị khen thưởng, trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch kiểm tra, thẩm định và tổng hợp kinh phí đề nghị khen thưởng gửi Sở Tài chính;

c) Sau khi nhận được đầy đủ các tài liệu, hồ sơ liên quan của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, Sở Tài chính có trách nhiệm soát xét và trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định;

Trường hợp hồ sơ không hợp lệ hoặc không đủ điều kiện hỗ trợ, trong vòng 05 (năm) ngày làm việc, Sở Tài chính có văn bản thông báo gửi tới Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch nêu rõ lý do;

d) Sau khi có quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh, trong thời gian 07 (bảy) ngày làm việc, Sở Tài chính thực hiện việc cấp phát kinh phí theo quy định.

Chương IV

CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN DU LỊCH

Điều 13. Chính sách hỗ trợ hoạt động xúc tiến, quảng bá du lịch

1. Đối tượng hỗ trợ:

Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Hiệp hội Du lịch Hà Tĩnh; các cơ quan, tổ chức, đơn vị trong tỉnh; các cơ quan truyền thông, báo chí Trung ương và địa phương (được Ủy ban nhân dân tỉnh giao nhiệm vụ thực hiện nội dung xúc tiến, quảng bá du lịch Hà Tĩnh).

2. Nội dung, mức hỗ trợ:

a) Hỗ trợ 100% kinh phí sản xuất video clip giới thiệu, tin, bài, phóng sự, các chương trình truyền hình thực tế, đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng, mạng xã hội, nền tảng số du lịch Việt Nam và quốc tế để quảng bá du lịch Hà Tĩnh; in, tái bản ấn phẩm, tài liệu để xúc tiến, quảng bá du lịch Hà Tĩnh;

b) Hỗ trợ 100% kinh phí tổ chức và tham gia các hội nghị, hội thảo, liên hoan, hội chợ, hội thi, các sự kiện, lễ hội văn hóa thể thao du lịch trong nước và quốc tế; khai trương lễ hội du lịch biển hàng năm; tổ chức đi, đón các đoàn famtrip, presstrip trong và ngoài nước;

c) Hỗ trợ kinh phí triển khai số hóa dữ liệu hình ảnh các khu điểm du lịch, khu di tích cấp quốc gia gắn với du lịch trên nền tảng công nghệ thực tế ảo (AR) và thực tế tăng cường (VR), trí tuệ nhân tạo (AI-TTS), lập trình thông tin điểm đến, kết nối google maps.

3. Hồ sơ đề nghị hỗ trợ:

a) Đối với chính sách quy định tại điểm a khoản 2 Điều này:

- Tờ trình đề nghị hỗ trợ kinh phí (theo Mẫu số 06 Phụ lục kèm theo);
- Nội dung Kế hoạch, chương trình;
- Dự toán kinh phí trên cơ sở kế hoạch thực hiện;
- Báo giá cạnh tranh (đối với các hạng mục yêu cầu theo quy định);

b) Đối với chính sách quy định tại điểm b khoản 2 Điều này:

- Tờ trình đề nghị hỗ trợ kinh phí (theo Mẫu số 06 Phụ lục kèm theo);
- Nội dung Kế hoạch, chương trình;
- Công văn/Giấy mời tham gia hội nghị, hội thảo, liên hoan, hội chợ, hội thi, các sự kiện lễ hội văn hóa thể thao du lịch của đơn vị, cơ quan, tổ chức;
- Văn bản cử tham dự hội thi, liên hoan, cuộc thi của cơ quan có thẩm quyền cấp tỉnh trở lên;
- Dự toán kinh phí trên cơ sở kế hoạch thực hiện;

c) Đối với chính sách quy định tại điểm c khoản 2 Điều này:

- Tờ trình đề nghị hỗ trợ kinh phí (theo Mẫu số 06 Phụ lục kèm theo);
- Kế hoạch triển khai thực hiện số hóa các khu điểm du lịch, khu di tích cấp quốc gia gắn với du lịch trên địa bàn tỉnh đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt (hồ sơ dự án, đề cương và dự toán chi tiết hoặc kế hoạch thuê dịch vụ công nghệ thông tin).

4. Quy trình thực hiện:

a) Hàng năm, căn cứ nội dung Nghị quyết, mục tiêu phát triển du lịch và nhu cầu của các tổ chức, đơn vị, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch phối hợp với các Sở, ngành, địa phương, đơn vị liên quan, trình Ủy ban nhân dân tỉnh Quyết định phê duyệt Danh mục nhiệm vụ thực hiện chính sách hỗ trợ phát triển du lịch Hà Tĩnh.

b) Quy trình thực hiện của đối tượng là Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch:

- Căn cứ Quyết định phê duyệt Danh mục nhiệm vụ thực hiện chính sách hỗ trợ phát triển du lịch hàng năm của Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch chuẩn bị hồ sơ theo quy định tại khoản 3 Điều này gửi Sở Tài chính;

- Sau khi nhận được đầy đủ các tài liệu, hồ sơ liên quan của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, Sở Tài chính có trách nhiệm soát xét và trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định;

Trường hợp hồ sơ không hợp lệ hoặc không đủ điều kiện hỗ trợ, trong vòng 05 (năm) ngày làm việc, Sở Tài chính có văn bản thông báo gửi tới Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch nêu rõ lý do;

- Sau khi có quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh, trong thời gian 07 (bảy) ngày làm việc, Sở Tài chính thực hiện việc cấp phát kinh phí theo quy định.

c) Quy trình thực hiện của các đối tượng là Hiệp hội Du lịch Hà Tĩnh; các cơ quan, tổ chức, đơn vị trong tỉnh; các cơ quan truyền thông, báo chí trung ương và địa phương (được Ủy ban nhân dân tỉnh giao nhiệm vụ thực hiện nội dung xúc tiến, quảng bá du lịch Hà Tĩnh):

- Các đối tượng đủ điều kiện thụ hưởng chính sách gửi 02 (hai) bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 3 Điều này về Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

- Căn cứ Quyết định phê duyệt Danh mục nhiệm vụ thực hiện chính sách hỗ trợ phát triển du lịch hàng năm của Ủy ban nhân dân tỉnh, nhu cầu thực tiễn và hồ sơ đề nghị hỗ trợ của các đối tượng đủ điều kiện thụ hưởng chính sách, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch rà soát, thẩm định đối tượng, điều kiện thụ hưởng và tổng hợp dự kiến phân bổ kinh phí gửi Sở Tài chính;

- Sau khi nhận được đầy đủ các tài liệu, hồ sơ liên quan của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, Sở Tài chính có trách nhiệm soát xét và trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định;

Trường hợp hồ sơ không hợp lệ hoặc không đủ điều kiện hỗ trợ, trong vòng 05 (năm) ngày làm việc, Sở Tài chính có văn bản thông báo gửi tới Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch nêu rõ lý do;

- Sau khi có quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh, trong thời gian 07 (bảy) ngày làm việc, Sở Tài chính thực hiện việc cấp phát kinh phí theo quy định.

Điều 14. Chính sách hỗ trợ tập huấn, bồi dưỡng nguồn nhân lực du lịch

1. Đối tượng hỗ trợ:

Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Hiệp hội Du lịch Hà Tĩnh; các cơ sở đào tạo du lịch và các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh (được Ủy ban nhân dân tỉnh giao nhiệm vụ thực hiện nội dung tập huấn, bồi dưỡng nguồn nhân lực du lịch Hà Tĩnh).

2. Nội dung, mức hỗ trợ:

a) Hỗ trợ 100% kinh phí tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ du lịch, kiến thức ngoại ngữ, tin học, truyền thông cho nhân sự hiện đang làm việc trong các cơ sở kinh doanh dịch vụ du lịch tại Hà Tĩnh;

b) Hỗ trợ 100% kinh phí tổ chức tập huấn kiến thức cơ bản và văn hóa ứng xử về du lịch cho cộng đồng dân cư tại các khu, điểm du lịch; tập huấn về phát triển du lịch nông thôn.

3. Hồ sơ đề nghị hỗ trợ:

a) Tờ trình đề nghị hỗ trợ kinh phí (theo Mẫu số 06 Phụ lục kèm theo);

b) Kế hoạch tổ chức;

c) Chương trình, nội dung chi tiết;

d) Dự toán cấp kinh phí trên cơ sở kế hoạch thực hiện.

4. Quy trình thực hiện:

a) Hàng năm, căn cứ nội dung Nghị quyết, mục tiêu phát triển du lịch và nhu cầu của các tổ chức, đơn vị, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch phối hợp với các Sở, ngành, địa phương, đơn vị liên quan, trình Ủy ban nhân dân tỉnh Quyết định phê duyệt Danh mục nhiệm vụ thực hiện chính sách hỗ trợ phát triển du lịch Hà Tĩnh;

b) Quy trình thực hiện của đối tượng là Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch:

- Căn cứ Quyết định phê duyệt Danh mục nhiệm vụ thực hiện chính sách hỗ trợ phát triển du lịch hàng năm của Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch chuẩn bị hồ sơ theo quy định tại khoản 3 Điều này gửi Sở Tài chính;

- Sau khi nhận được đầy đủ các tài liệu, hồ sơ liên quan của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, Sở Tài chính có trách nhiệm soát xét và trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định;

Trường hợp hồ sơ không hợp lệ hoặc không đủ điều kiện hỗ trợ, trong vòng 05 (năm) ngày làm việc, Sở Tài chính có văn bản thông báo gửi tới Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch nêu rõ lý do;

- Sau khi có quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh, trong thời gian 07 (bảy) ngày làm việc, Sở Tài chính thực hiện việc cấp phát kinh phí theo quy định;

c) Quy trình thực hiện của các đối tượng là Hiệp hội Du lịch Hà Tĩnh; các cơ quan, tổ chức, đơn vị trong tỉnh; các cơ quan truyền thông, báo chí trung ương và địa phương (được Ủy ban nhân dân tỉnh giao nhiệm vụ thực hiện nội dung xúc tiến, quảng bá du lịch Hà Tĩnh):

- Các đối tượng đủ điều kiện thụ hưởng chính sách gửi 02 (hai) bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 3 Điều này về Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

- Căn cứ Quyết định phê duyệt Danh mục nhiệm vụ thực hiện chính sách hỗ trợ phát triển du lịch hàng năm của Ủy ban nhân dân tỉnh, nhu cầu thực tiễn và hồ sơ đề nghị hỗ trợ của các đối tượng đủ điều kiện thụ hưởng chính sách, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch rà soát, thẩm định đối tượng, điều kiện thụ hưởng

và tổng hợp dự kiến phân bổ kinh phí gửi Sở Tài chính;

- Sau khi nhận được đầy đủ các tài liệu, hồ sơ liên quan của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, Sở Tài chính có trách nhiệm soát xét và trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định;

Trường hợp hồ sơ không hợp lệ hoặc không đủ điều kiện hỗ trợ, trong vòng 05 (năm) ngày làm việc, Sở Tài chính có văn bản thông báo gửi tới Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch nêu rõ lý do;

- Sau khi có quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh, trong thời gian 07 (bảy) ngày làm việc, Sở Tài chính thực hiện việc cấp phát kinh phí theo quy định.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 15. Quy định chuyển tiếp

Các nội dung hỗ trợ quy định tại các Nghị quyết: số 81/2017/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2017, số 93/2018/NQ-HĐND ngày 18 tháng 7 năm 2018, 153/2019/NQ-HĐND ngày 17 tháng 7 năm 2019, số 154/2019/NQ-HĐND ngày 17 tháng 7 năm 2019, số 265/2020/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh đã thực hiện, nộp hồ sơ trước thời điểm Nghị quyết này có hiệu lực nhưng chưa được hưởng hỗ trợ thì thực hiện theo quy định tại thời điểm nộp hồ sơ.

Điều 16. Điều khoản tham chiếu

Trong trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn trong Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo văn bản quy phạm pháp luật mới.

Điều 17. Điều khoản thi hành

Nghị quyết này thay thế:

1. Nghị quyết số 81/2017/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định một số chính sách phát triển du lịch Hà Tĩnh đến năm 2025 và những năm tiếp theo.

2. Nghị quyết số 93/2018/NQ-HĐND ngày 18 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh về bảo tồn và phát huy giá trị các di sản văn hóa Dân ca Ví, Giặm Nghệ Tĩnh, Ca trù, Truyện Kiều, Mộc bản Trường học Phúc Giang và Hoàng Hoa sứ trình đồ, giai đoạn 2018 - 2025 và những năm tiếp theo.

3. Nghị quyết số 153/2019/NQ-HĐND ngày 17 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chế độ, chính sách đối với Huấn luyện viên, vận động viên thể thao thành tích cao của tỉnh Hà Tĩnh.

4. Nghị quyết số 154/2019/NQ-HĐND ngày 17 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh về phát triển bóng đá đến năm 2030.

5. Nghị quyết số 265/2020/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2020 của

Hội đồng nhân dân tỉnh quy định một số chính sách xây dựng và nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở giai đoạn 2021- 2025.

Điều 18. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết.
2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Kỳ họp thứ 11 thông qua ngày 16 tháng 12 năm 2022 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến ngày 31 tháng 12 năm 2025./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Ban Công tác đại biểu UBTWQH;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ, Website Chính phủ;
- Các bộ: Tài chính, VHNT&DL;
- Kiểm toán Nhà nước khu vực II;
- Bộ Tư lệnh QK4;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh ủy, HĐND, UBND, UBMTTQ tỉnh;
- Đại biểu Quốc hội đoàn Hà Tĩnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- TT Công báo - Tin học tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT.TH.

CHỦ TỊCH



Hoàng Trung Dũng